TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày 04-01-2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;

2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Đại Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2018/TLST-DS ngày 18/06/2018 về việc *" Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2018/QĐXXST-DS ngày 03/12/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2018/QĐST-DS ngày 19/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V, địa chỉ: Số X đường Y, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Hữu V- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Nguyễn Hữu V ủy quyền cho Ông Trần Tiến D - Giám đốc Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Giấy ủy quyền số 028/UQ-CTHĐQT/15 ngày 02/3/2015).

Ông Dũng ủy quyền lại cho Bà Lê Thị Kim L – Phó phòng Khách hàng cá nhân Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Quảng Ngãi (Giấy ủy quyền số 153/2018/GUQ-VAB ngày 05/11/2018), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, cùng địa chỉ: Thôn A, xã D, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/05/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Ngân hàng V) trình bày*: Ngày 25/11/2015, vợ chồng ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 450.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 180-4079/15/VAB/HĐTDHCN ngày 25/11/2015 với thời hạn vay là 72 tháng (từ 25/11/2015-25/11/2021), phương thức trả gốc, lãi hàng tháng để bổ sung vốn xây, sửa nhà ở, hợp đồng quy định rõ về lãi suất vay trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất phạt chậm trả và một số nội dung khác. Để đảm bảo trả nợ cho khoản vay, ông C, bà T thế chấp tài sản của ông, bà là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 286 tờ bản đồ số 03 tại xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng V đã giải ngân đủ tiền cho ông C, bà T nhưng cho đến nay, ông C, bà T chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng V số tiền 61.786.920 đồng, trong đó trả nợ gốc 25.062.171 đồng, trả lãi 36.724.749 đồng và ngưng thanh toán cho Ngân hàng từ tháng 08/2017 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở nhưng ông C, bà T vẫn không trả nợ, hiện nay, toàn bộ nợ vay còn lại của ông C, bà T đã bị Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn.

Do ông C, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng V số tiền 555.831.610 đồng, gồm: nợ gốc là 424.937.829 đồng, tiền lãi tính đến ngày 04/01/2019 gồm lãi trong hạn: 79.722.240 đồng, lãi quá hạn: 51.171.541 đồng và tiền lãi của nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 05/01/2019 theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông C, bà T không trả nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 286, tờ bản đồ số 03 thuộc thôn 3, xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp số 180-4079/15/VAB/HĐTCBĐS ngày 24/11/2015, được Phòng Công Chứng số 01 công chứng ngày 24/11/2015, số

công chứng 5479, quyển số 11/TP/CC-SC/HĐGD để T hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ thu nợ (gốc, lãi) thì ông C, bà T phải tiếp tục trả cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T phải trả lãi phạt chậm trả.

** Bị đơn ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.*

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn không chấp hành sự triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền: 555.831.610 đồng (trong đó vốn gốc là 424.937.829 đồng, lãi là 130.893.781 đồng tính đến ngày 04/01/2019) và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/01/2019 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T không trả nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, lời trình bày của đại diện nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng trong thời hạn luật định, ông C, bà T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, ông C, bà T không đến Tòa án để làm

việc, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày; không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 180-4079/15/VAB/HĐTDHCN ngày 25/11/2015 giữa Ngân hàng V với ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T cho thấy, ông C, bà T có vay Ngân hàng V số tiền 450.000.000 đồng với thời hạn vay 72 tháng (từ 25/11/2015-25/11/2021), phương thức trả lãi hàng tháng với lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng V tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Thực hiện hợp đồng thì ông C, bà T đã nhận đủ tiền giải ngân từ Ngân hàng nhưng hiện ông, bà chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng được 25.062.171 đồng nợ gốc và 36.724.749 đồng tiền lãi và từ tháng 08/2017 cho đến nay, ông C, bà T đã ngưng thanh toán. Việc không tiếp tục trả nợ của ông C, bà T vi phạm nội dung thỏa thuận tại các Điều 6, 7 và 13 của Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết và vi phạm quy định của pháp luật tại các Điều 280, 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền 555.831.610 đồng, trong đó, nợ gốc là 424.937.829 đồng, tiền lãi tính đến ngày 04/01/2019 gồm lãi trong hạn: 79.722.240 đồng, lãi quá hạn là 51.171.541 đồng và phải tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 05/01/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 180-4079/15/VAB/HĐTDHCN ngày 25/11/2015, ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T đã thế chấp quyền sử dụng đất của mình Tộc thửa đất số 286, tờ bản đồ số 03, diện tích 543,2m² tại thôn 3, xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số A0356938, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00672 do UBND thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 09/03/2009. Hợp đồng thế chấp đã được Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ các Điều 299, 323 Bộ luật Dân sự, nếu ông C, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định pháp luật.

[2.4] Tại phiên tòa, Ngân hàng V rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi phạt chậm trả tính đến ngày 04/01/2019 là 16.730.328 đồng, việc rút yêu cầu của Ngân hàng V là tự nguyện, hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

[3.1] Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V nên ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 26.233.264 đồng (*20.000.000 đồng + 4% của phần vượt quá 400.000.000 đồng*) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng V.

[3.2] Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án. Tuy nhiên, do Ngân hàng V đã nộp tạm ứng cho chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên căn cứ khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông C, bà T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 299, 323, 351, 463, 466, 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V, buộc ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền: 555.831.610 đồng, trong đó, nợ gốc: 424.937.829 đồng, tiền lãi tính đến ngày 04/01/2019 gồm lãi trong hạn là: 79.722.240 đồng, lãi

quá hạn là: 51.171.541 đồng và tiền lãi của nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 05/01/2019 theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T không trả nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 180-4079/15/VAB/HĐTCBĐS ngày 24/11/2015 gồm quyền sử dụng đất của thửa đất số 286, tờ bản đồ số 03, diện tích 543,2m² và tài sản là nhà ở trên đất tại thôn 3, xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0356938, số vào sổ: H00672 do UBND thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 09/03/2009 cho ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ thu nợ (gốc, lãi) thì ông C, bà T phải tiếp tục trả cho đến khi trả hết nợ.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T phải trả lãi phạt chậm trả.

3. Ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T phải chịu 26.233.264 đồng (*Hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 12.461.198 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm chín mươi tám đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai T số AA/2016/0003373 ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục. THADS TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng đấu)

Phạm Dũng